

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ NAVYTEX
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ NAVYTEX

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NAVYTEX INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NAVYTEX

2. Mã số doanh nghiệp: 0108528349

3. Ngày thành lập: 27/11/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Liên kè 90, Khu đô thị Bắc Hà, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 3668 7777

Fax:

Email: info@navytex.com.vn

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
2.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
3.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
4.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
5.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
6.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
7.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
8.	Sản xuất sợi	1311
9.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
10.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
11.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
12.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
13.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
14.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
15.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
16.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
17.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
18.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
19.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
20.	Sản xuất giày, dép	1520
21.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
22.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623

23.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
24.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
25.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
26.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
27.	In ấn	1811
28.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
29.	Sao chép bản ghi các loại	1820
30.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
31.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
32.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
33.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
34.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
35.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
36.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
37.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
38.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
39.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
40.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
41.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
42.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
43.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
44.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
45.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
46.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
47.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
48.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
49.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
50.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
51.	Bốc xếp hàng hóa	5224
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
54.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
55.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
56.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830

57.	Dịch vụ đóng gói	8292
58.	Trồng lúa	0111
59.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
60.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
61.	Trồng cây mía	0114
62.	Trồng cây lấy sợi	0116
63.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
64.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
65.	Trồng cây hàng năm khác	0119
66.	Trồng cây ăn quả	0121
67.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
68.	Trồng cây điều	0123
69.	Trồng cây hồ tiêu	0124
70.	Trồng cây cao su	0125
71.	Trồng cây cà phê	0126
72.	Trồng cây chè	0127
73.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
74.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
75.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
76.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
77.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
78.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
79.	Chăn nuôi gia cầm	0146
80.	Chăn nuôi khác	0149
81.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
82.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
83.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
84.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
85.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
86.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
87.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
88.	Sản xuất đường	1072
89.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410(Chính)
90.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
91.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
92.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
93.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
94.	Bán buôn thực phẩm	4632

95.	Bán buôn đồ uống	4633
96.	Bán buôn tổng hợp	4690
97.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
98.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
99.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
100.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
101.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
102.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
103.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
104.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
105.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
106.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
107.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
108.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
109.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
110.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
111.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799

6. Vốn điều lệ: 16.868.550.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN HƯƠNG GIANG	Số 36, ngõ 4 Bà Triệu, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	590.400	5.904.000.000	35,000	111643318	
			Tổng số	590.400	5.904.000.000	35,000		
2	HÀ THỊ THUY DƯƠNG	Thôn Cát Động, Thị trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	421.713	4.217.130.000	25,000	001183018665	
			Tổng số	421.713	4.217.130.000	25,000		
3	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	Thôn Từ Thuận, Xã Vân Từ, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	674.742	6.747.420.000	40,000	001183009345	
			Tổng số	674.742	6.747.420.000	40,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN CƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 14/11/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001183009345

Ngày cấp: 02/03/2016

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Từ Thuận, Xã Vân Từ, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P2726 CT4 The Price khu đô thị An Hưng, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội